

BÁO CÁO

Đánh giá công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội thông qua hệ thống Bưu điện và dự kiến đối tượng, kinh phí trợ cấp xã hội thường xuyên trên địa bàn huyện năm 2022

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tại Công văn số 2502/SLĐT BXH-BTXH ngày 11/10/2021 về việc đề nghị báo cáo đánh giá công tác chi trả trợ cấp BHXH thông qua hệ thống Bưu điện và dự kiến đối tượng, kinh phí trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng năm 2022; Ủy ban nhân dân huyện báo cáo đánh giá công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội thông qua Bưu điện và dự kiến đối tượng, kinh phí trợ cấp xã hội thường xuyên trên địa bàn huyện năm 2022, như sau:

1. Đánh giá công tác chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua hệ thống Bưu điện trong thời gian qua

1.1. Kết quả công tác tổ chức, phối hợp triển khai chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội trong thời gian qua

Công tác chi trả trợ cấp Bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện đạt 99,98%. Việc chi trả chính sách trợ cấp cho đối tượng Bảo trợ xã hội được kịp thời.

- Quy trình tổ chức thực hiện chi trả

+ Hàng tháng UBND huyện đã chỉ đạo Ban Tổ chức, NV-LĐTĐ&XH huyện có trách nhiệm lập danh sách đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện và làm thủ tục chuyển tiền cho Bưu điện huyện thực hiện chi trả cho các đối tượng.

+ Hàng tháng chi trả từ ngày 12 đến ngày 15, nếu các ngày chi trả này trùng vào thứ bảy và chủ nhật, Bưu điện vẫn thực hiện chi trả cho các đối tượng.

- Công tác kiểm tra, giám sát và quyết toán

+ Công tác kiểm tra, giám sát chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại Bưu điện huyện chưa được thường xuyên, vì cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực.

+ Công tác thanh quyết toán: Bưu điện huyện có trách nhiệm chi trả cho các đối tượng và thanh quyết toán trước ngày 20 hàng tháng.

- Đánh giá chất lượng dịch vụ chi trả của Bưu điện trên phương diện nội dung "Đúng - Đủ - Kịp thời"

+ Các điểm chi trả được bố trí tại các Bưu điện, nhà văn hóa trên địa bàn huyện tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng hưởng bảo trợ xã hội; địa điểm chi trả thoáng mát, sạch sẽ, được bố trí đầy đủ bàn ghế, nước uống,...

+ Việc chi trả được thực hiện nhanh chóng, đúng đối tượng, đủ số tiền cho từng đối tượng thụ hưởng do Ban Tổ chức, NV-LĐTB&XH huyện cung cấp.

1.2 Thuận lợi, tồn tại, khó khăn

a) Thuận lợi: Công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội qua hệ thống Bưu điện rất thuận lợi; góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hướng tới sự hài lòng của người dân và bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định tình hình kinh tế, chính trị - xã hội trên địa bàn huyện.

b) Tồn tại

- Đối tượng nhận trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng không theo lịch quy định các ngày trong tháng và hầu hết là đi nhận thay;

- Hàng năm, Ban Tổ chức, NV-LĐTB&XH chưa tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội tại các điểm Bưu điện để chấn chỉnh kịp thời.

c) Khó khăn:

- Nhân viên Bưu điện chưa thông báo kịp thời cho một số đối tượng phát sinh mới trong tháng đến nhận tiền...

- Đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng toàn là người già yếu, người khuyết tật và người tâm thần, trẻ em mồ côi... không đi nhận được, nhờ người khác nhận thay phải có giấy ủy quyền và xác nhận của chính quyền địa phương Bưu điện mới có cơ sở để chi tiền cho đối tượng.

1.3. Đề xuất kiến nghị giải quyết tồn tại khó khăn: Đề nghị UBND tỉnh kịp thời bổ sung kinh phí tăng thêm do điều chỉnh mức, hệ số trợ cấp theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2021/TT- BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội.

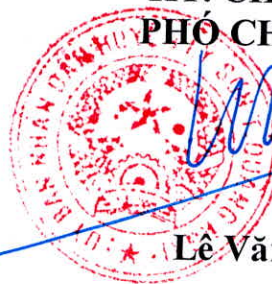
2. Báo cáo số liệu năm 2021 và dự kiến số liệu năm 2022: (Có phụ lục kèm theo).

Trên đây là báo cáo đánh giá công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội thông qua hệ thống Bưu điện và dự kiến đối tượng, kinh phí trợ cấp xã hội thường xuyên trên địa bàn huyện năm 2022./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng ban có liên quan;
- Ban Tổ chức, NV-LĐTB&XH huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Ninh

SỐ TIỀN CHI TRẢ CHO ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TẠI CỘNG ĐỒNG VÀ PHÍ DỊCH VỤ CHI TRẢ CHO TỔ CHỨC CHI TRẢ NĂM 2021 VÀ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Lý Sơn)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	SỐ LIỆU NĂM 2021					DỰ KIẾN SỐ LIỆU NĂM 2022				XÃ THUỘC KHU VỰC (I/II/III) (THEO QĐ 861)
		ĐỐI TƯỢNG ĐANG CHI TRẢ CỦA THÁNG 10/2021 (đối tượng)	SỐ TIỀN CHI TRẢ TRỢ CẤP CHO ĐỐI TƯỢNG CỦA THÁNG 10/2021 (ngàn đồng)	PHÍ DỊCH VỤ CHI TRẢ CHO BƯU ĐIỆN THÁNG 10/2021 (ngàn đồng)	DỰ KIẾN TỔNG SỐ TIỀN CHI TRẢ TRỢ CẤP CHO ĐỐI TƯỢNG TRONG NĂM 2021 (ngàn đồng)	TỔNG PHÍ DỊCH VỤ CHI TRẢ CHO BƯU ĐIỆN NĂM 2021 THEO QĐ 1133/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2016	DỰ KIẾN SỐ ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ BÌNH QUÂN MỖI THÁNG	DỰ KIẾN SỐ TIỀN CHI TRẢ CHO ĐỐI TƯỢNG BÌNH QUÂN MỖI THÁNG	DỰ KIẾN TỔNG SỐ TIỀN CHI TRẢ TRỢ CẤP CHO ĐỐI TƯỢNG TRONG NĂM 2022	DỰ KIẾN TỔNG PHÍ DỊCH VỤ CHI TRẢ CHO BƯU ĐIỆN NĂM 2022 THEO QĐ 1133/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2016	
	HUYỆN LÝ SƠN	1.020	516.060.000	2.500.000	6.283.000.000	30.000.000	1.162	623.880.000	7.486.560.000	30.000.000	0
1	Địa bàn An Vĩnh	541	268.200.000	1.000.000	3.249.161.000	12.000.000	617	326.340.000	3.916.080.000	12.000.000	
2	Địa bàn An Hải	463	240.120.000	1.000.000	2.913.839.000	12.000.000	523	286.920.000	3.443.040.000	12.000.000	
3	Địa bàn An Bình	16	7.740.000	500.000	120.000.000	6.000.000	22	10.620.000	127.440.000	6.000.000	